

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp
công trình thủy lợi hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai
và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;
Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên
tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và
Luật Đê điều;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 2738/TTr-SNN ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt
Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước
Cầu Mới tuyến VI.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó với tình
huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Long Thành, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch; Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn Đồng Nai; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai; Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam; Giám đốc Ban Quản lý dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (để phối hợp);
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (Đ/c Phi);
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/409.QdphuonganhcmtuyenVI)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN

**Ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước
Cầu Mới tuyến VI**

*(Kèm theo Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

Việc thực hiện Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI phải tuân thủ theo:

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
2. Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
3. Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
4. Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
5. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
6. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;
7. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
8. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
9. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP, ngày 6 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
10. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn
 - a) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2012/BNNPTNT - Công trình thủy lợi - các qui định chủ yếu về thiết kế.
 - b) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9845:2013 Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ.
 - c) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9147:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn.
 - d) Tiêu chuẩn kỹ thuật TCKT 03:2015/TCTL Công trình thủy lợi - Hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa nước trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập.
 - đ) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11699:2016 Công trình thủy lợi - Đánh giá an toàn đập.
 - e) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác.

Điều 2. Khái quát về chủ sở hữu và tổ chức khai thác hồ chứa

1. Về chủ sở hữu hồ chứa.

a) Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251).3847292. Website: <http://www.dongnai.gov.vn>.

b) Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Đường Đồng Khởi, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 3822970 - Fax: (0251) 3827393. Website: <http://sonongnghiep.dongnai.gov.vn>.

2. Tổ chức quản lý, khai thác hồ chứa: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai. Địa chỉ: 126 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 6297663. Website: <http://www.thuylodongnai.vn>.

Điều 3. Khái quát về hồ chứa

1. Tên công trình: Hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI.

2. Loại và công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT - Thủy lợi hồ chứa nước. Công trình cấp II.

3. Đơn vị quản lý, khai thác công trình: Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai.

4. Nhiệm vụ của công trình: Cung cấp nước tưới cho 900 ha, cấp nước công nghiệp là 52.500 m³/ngày đêm.

5. Địa điểm xây dựng: xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

6. Thời điểm xây dựng và đưa hồ chứa vào khai thác sử dụng: công trình được khởi công xây dựng năm 2004 và hoàn thành đưa vào khai thác năm 2008.

7. Thông số kỹ thuật:

Bảng 1-1: Thông số kỹ thuật hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	THÔNG SỐ
1	Cấp công trình và tuân suất thiết kế		
	Công trình đầu mối	Cấp	II (QCVN 04-05-2012)
	Tần suất tưới thiết kế	%	85
	Tần suất lũ thiết kế	%	1,0
	Tần suất lũ kiểm tra	%	0,2
2	Hồ chứa		
	Diện tích lưu vực	Km ²	62,0
	Mực nước chết (MNC)	m	74,6
	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	87,5

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	THÔNG SỐ
	Mực nước gia cường (MNGC)	m	89,08
	Dung tích hồ ứng với MNC	10^6m^3	1,50
	Dung tích hồ ứng với MNDBT	10^6m^3	21,0
	Dung tích hồ ứng với MNDGC	10^6m^3	25,81
	Diện tích mặt hồ ứng với MNC	Ha	50,0
	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	Ha	274,0
	Diện tích mặt hồ ứng với MNDGC	Ha	307,87
3	Đập chính		
	Kết cấu đập		Đập đất đồng chất
	Cao trình đỉnh đập	m	92,0
	Chiều cao đập lớn nhất	m	29,0
	Chiều dài đập	m	930
4	Tràn xả lũ		Bố trí bờ phải
	Kết cấu		BTCT
	Hình thức tràn		Tràn tự do
	Cao trình ngưỡng tràn	m	87,5
	Chiều rộng tràn	m	54,6
	Cột nước tràn thiết kế	m	1,58
5	Cống lấy nước		
	Kết cấu		BTCT
	Cao trình ngưỡng cống	m	73,0
	Khẩu diện cống (bxh)	m	1,2x1,4
	Lưu lượng xả max	m^3/s	3,25
6	Nhà quản lý		
	Cấp		IV
	Diện tích sử dụng	m^2	171

Chương II

KỊCH BẢN ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP HOẶC VỠ ĐẬP VÀ VẬN HÀNH HỒ CHỨA

Điều 4. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,0%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +87,50m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ dâng lên nhanh, nước qua tràn chảy tự do (tràn không có cửa van). Do mưa to kéo dài, mực nước hồ tiếp tục dâng cao và đạt đến MNLTk = +89,08m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ thiết kế, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo nội bộ và báo cáo Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ và các xã liên quan.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,23m đến 3,74m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 24,3ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến khoảng giữa đường ranh giới giữa xã Thừa Đức và xã Bàu Cạn (cách nhà thờ Thừa Ân khoảng 2,5km về phía Tây - Nam) khoảng 1 giờ 00 phút.

b) Cảng hàng không quốc tế Long Thành, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,10m đến 5,98m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 52,2ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m, các độ sâu ngập còn lại có diện tích ngập chênh nhau không nhiều; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí cách trung tâm cảng 1,60km về phía Đông Nam khoảng 3 giờ 00 phút.

c) Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,94m đến 2,73m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 79,3ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m và 1,0m ÷ 1,5m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến ranh giới giữa xã Bàu Cạn và xã Long Phước khoảng 4 giờ 00 phút.

d) Xã Long An, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 2,56m đến 3,25m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 27,0ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính

từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí ranh giới giữa Long An và xã Long Phước khoảng 5 giờ 00 phút.

đ) Xã Long Phước, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,74 m đến 1,86 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 197,6 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu $0,5\text{m} \div 1,0\text{m}$; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến trung tâm xã khoảng 6 giờ 00 phút.

e) Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,10m đến 0,11m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 1,7 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu $0,5\text{m} \div 1,0\text{m}$; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí ranh giới giữa xã Long Phước và xã Long Thọ khoảng 7 giờ 00 phút.

g) Đối với phạm vi lòng hồ: Khi hồ vận hành xả lũ theo kịch bản lũ thiết kế tần suất 1,0%, mực nước hồ ở cao trình MNLTK = +89,08m. Việc xả lũ về hạ du không ảnh hưởng đến khu vực thượng lưu. Diện tích ngập vùng lòng hồ ứng với MNLTK là 307,87 ha trong đó 272,27 ha thuộc địa phận các xã Thừa Đức và Bàu Cạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và 35,60 ha thuộc địa phận xã Cù Bị, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; số hộ bị ảnh hưởng là 02 hộ trong đó 02 hộ thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có hộ bị ảnh hưởng.

h) Diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI được phê duyệt tại Quyết định 3104/QĐ-BNN ngày 12/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phương án phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định 3674/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, khi mực nước đạt MNLTK vận hành xả lũ thiết kế.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng.

a) Số hộ bị ngập lụt: có khoảng 585 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di tản lên vùng cao, vị trí di tản và hướng di tản lên các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, xã Long An, xã Long Phước, xã Long Thọ cụ thể tại bản vẽ: No: 03CD-06-04-02 và Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 5. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,2%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối.

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNLTK = +89,08m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến MNLKT = +89,63m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền công, tràn,

hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai có thể giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,39m đến 4,13m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 32,4ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến khoảng giữa đường ranh giới giữa xã Thừa Đức và xã Bàu Cạn (cách nhà thờ Thừa Ân khoảng 2,5km về phía Tây – Nam) khoảng 0 giờ 55 phút.

b) Cảng hàng không quốc tế Long Thành, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,22m đến 6,12m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 56,1ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m, các độ sâu còn lại có diện tích ngập chên nhau không nhiều; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí cách trung tâm cảng 1,60km về phía Đông Nam khoảng 2 giờ 55 phút.

c) Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 1,21m đến 3,01m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 91,2ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m và 1,0m ÷ 1,5m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến ranh giới giữa xã Bàu Cạn và xã Long Phước khoảng 3 giờ 55 phút.

d) Xã Long An, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 2,64m đến 3,39m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 31,5ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí ranh giới giữa Long An và xã Long Phước khoảng 4 giờ 55 phút.

đ) Xã Long Phước, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,93m đến 2,00m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 225,6ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến trung tâm xã khoảng 5 giờ 55 phút.

e) Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 0,11m đến 0,11m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 1,70ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí ranh giới giữa xã Long Phước và xã Long Thọ khoảng 6 giờ 55 phút.

g) Đối với phạm vi lòng hồ: khi hồ vận hành xả lũ theo kịch bản lũ kiểm tra tần suất 0,2%, mực nước hồ ở cao trình MNLKT = +89,63m. Việc xả lũ về hạ du không ảnh hưởng đến khu vực thượng lưu. Diện tích ngập vùng lòng hồ ứng với MNLKT là 320,03 ha trong đó 282,44 ha thuộc địa phận các xã Thừa Đức và Bàu Cạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và 37,59 ha thuộc địa phận xã Cù Bị, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; số hộ bị ảnh hưởng là 04 hộ trong đó 04 hộ thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có hộ bị ảnh hưởng.

h) Diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.2 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI được phê duyệt tại Quyết định 3104/QĐ-BNN ngày 12/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phương án phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định 3674/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, khi mực nước đạt MNLKT vận hành xả lũ kiểm tra.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 700 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di tản lên vùng cao, vị trí di tản và hướng di tản lên các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, xã Long An, xã Long Phước, xã Long Thọ cụ thể tại bản vẽ: No: 03CD-06-04-04 và Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 6. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +87,50m hoặc thấp hơn, ở thượng nguồn không có mưa, mực nước hồ không dâng lên nhưng các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thẩm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập vv...) gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại... làm cho mặt cắt đập mất ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực

Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ đồng thời điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít, các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng 6 giờ tới, gây ra lũ lụt ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình, mưa lũ để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 2,87m đến 7,34m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 136,3ha, các độ sâu ngập có diện tích ngập chênh nhau không nhiều; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến khoảng giữa đường ranh giới giữa xã Thừa Đức và xã Bàu Cạn (cách nhà thờ Thừa Ân khoảng 2,5km về phía Tây – Nam) khoảng 0 giờ 20 phút.

b) Cảng hàng không quốc tế Long Thành, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 2,99m đến 8,60m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 107,6ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu > 3,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí cách trung tâm cảng 1,60km về phía Đông Nam khoảng 2 giờ 15 phút.

c) Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành: độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 3,51m đến 5,91m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 222,8ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu > 3,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến ranh giới giữa xã Bàu Cạn và xã Long Phước khoảng 2 giờ 50 phút.

d) Xã Long An, huyện Long Thành: độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 4,46m đến 5,24m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 84,7ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí ranh giới giữa Long An và xã Long Phước khoảng 3 giờ 40 phút.

đ) Xã Long Phước, huyện Long Thành: độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 2,74m đến 4,13m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là

926,2ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu $0,5\text{m} \div 1,0\text{m}$; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến trung tâm xã khoảng 4 giờ 30 phút.

e) Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch: độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 1,15m đến 1,40m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 56,0ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu $0,5\text{m} \div 1,0\text{m}$; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí ranh giới giữa xã Long Phước và xã Long Thọ khoảng 5 giờ 00 phút.

g) Đối với phạm vi lòng hồ: khi hồ xảy ra sự cố theo kịch bản vỡ đập ngày nắng, mực nước hồ ở cao trình MNDBT = +87,50m hoặc thấp hơn. Việc xả lũ về hạ du do vỡ đập không ảnh hưởng đến khu vực thượng lưu. Diện tích ngập vùng lòng hồ ứng với MNDBT 274,00 ha trong đó 242,54 ha thuộc địa phận các xã Thừa Đức và Bàu Cạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và 31,46 ha thuộc địa phận xã Cù Bì, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; số hộ bị ảnh hưởng là 0 hộ.

h) Diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.3 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa.

Thực hiện vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI được phê duyệt tại Quyết định 3104/QĐ-BNN ngày 12/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phương án phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định 3674/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 2512 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di tản lên vùng cao, vị trí di tản và hướng di tản lên các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, xã Long An, xã Long Phước, xã Long Thọ cụ thể theo bản vẽ: No: 03CD-06-04-06 và Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 7. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ thiết kế tần suất 1,0%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +87,50m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ dâng lên nhanh, nước qua tràn chảy tự do (tràn không có cửa van). Do mưa to kéo dài, mực nước hồ tiếp tục dâng cao và đạt đến MNLTk = +89,08m. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ thiết kế, các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang, nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập vv...) gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại... làm cho mặt cắt đập mất ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng 6 giờ tới, lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình, mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 3,29m đến 7,75m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 150,6ha, các độ sâu ngập có diện tích ngập chênh nhau không đáng kể; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến khoảng giữa đường ranh giới giữa xã Thừa Đức và xã Bàu Cạn (cách nhà thờ Thừa Ân khoảng 2,5km về phía Tây – Nam) khoảng 0 giờ 10 phút.

b) Cảng hàng không quốc tế Long Thành, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 3,66m đến 9,11m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 119,8ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu > 3,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí cách trung tâm cảng 1,60km về phía Đông Nam khoảng 1 giờ 55 phút.

c) Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 3,81m đến 6,34m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 244,8ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu > 3,0m; ; thời gian truyền lũ tính từ

chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến ranh giới giữa xã Bàu Cạn và xã Long Phước khoảng 2 giờ 00 phút.

d) Xã Long An, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 4,96m đến 5,69m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 113,1ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí ranh giới giữa Long An và xã Long Phước khoảng 3 giờ 05 phút.

đ) Xã Long Phước, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 3,07m đến 4,53m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 1281,4ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến trung tâm xã khoảng 4 giờ 15 phút.

e) Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 1,44m đến 1,67m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 232,9ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí ranh giới giữa xã Long Phước và xã Long Thọ khoảng 4 giờ 50 phút.

g) Đối với phạm vi lòng hồ: khi xảy ra sự cố theo kịch bản vỡ đập khi xả lũ thiết kế tần suất 1,0%, mực nước hồ ở cao trình MNLTk = +89,08m. Việc xả lũ về hạ du do vỡ đập không ảnh hưởng đến khu vực thượng lưu. Diện tích ngập vùng lòng hồ ứng với MNLTk là 307,87 ha trong đó 272,27 ha thuộc địa phận các xã Thừa Đức và Bàu Cạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và 35,60 ha thuộc địa phận xã Cù Bì, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; số hộ bị ảnh hưởng là 02 hộ trong đó 02 hộ thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có hộ bị ảnh hưởng.

h) Diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.4 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI được phê duyệt tại Quyết định 3104/QĐ-BNN ngày 12/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phương án phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định 3674/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 3123 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di tản lên vùng cao, vị trí di tản và hướng di tản lên các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, xã Long An, xã Long Phước, xã Long Thọ cụ thể tại bản vẽ: No: 03CD-06-04-08 và Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư.

Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 8. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,2%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNLTk = +89,08m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến MNLTk = +89,63m. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thẩm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập vv...) gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có hợp động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại... làm cho mặt cắt đập mất ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ đồng thời điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều, Trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng 6 giờ tới, lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai Thông báo cho Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 3,33m đến 7,79m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 152,3ha, các độ sâu ngập có diện tích ngập chênh nhau không đáng kể; thời gian

truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến khoảng giữa đường ranh giới giữa xã Thừa Đức và xã Bàu Cạn (cách nhà thờ Thừa Ân khoảng 2,5km về phía Tây – Nam) khoảng 0 giờ 05 phút.

b) Cảng hàng không quốc tế Long Thành, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 3,70m đến 9,13m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 120,7ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu > 3,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí cách trung tâm cảng 1,60km về phía Đông Nam khoảng 1 giờ 50 phút.

c) Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 3,84m đến 6,38m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 247,6ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu > 3,0m; ; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến ranh giới giữa xã Bàu Cạn và xã Long Phước khoảng 1 giờ 55 phút.

d) Xã Long An, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 4,97m đến 5,70m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 116,7ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí ranh giới giữa Long An và xã Long Phước khoảng 3 giờ 00 phút.

đ) Xã Long Phước, huyện Long Thành: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 3,08m đến 4,55m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 1288,2ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến trung tâm xã khoảng 4 giờ 10 phút.

e) Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo Suối Cả từ 1,46m đến 1,68m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 276,8ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5m ÷ 1,0m; thời gian truyền lũ tính từ chân đập hồ Cầu Mới tuyến VI đến vị trí ranh giới giữa xã Long Phước và xã Long Thọ khoảng 4 giờ 45 phút.

g) Đối với phạm vi lòng hồ: khi xảy ra sự cố theo kịch bản vỡ đập khi xả lũ kiểm tra tần suất 0,2%, mực nước hồ ở cao trình MNLKT = +89,63m. Việc xả lũ về hạ du không ảnh hưởng đến khu vực thượng lưu. Diện tích ngập vùng lòng hồ ứng với MNLKT là 320,03 ha trong đó 282,33 ha thuộc địa phận các xã Thừa Đức và Bàu Cạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và 37,59 ha thuộc địa phận xã Cù Bị, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; số hộ bị ảnh hưởng là 04 hộ trong đó 04 hộ thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có hộ bị ảnh hưởng.

h) Diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.5 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Thực hiện vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI được phê duyệt tại Quyết định 3104/QĐ-BNN ngày 12/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phương án phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định 3674/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 3262 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di tản lên vùng cao, vị trí di tản và hướng di tản lên các xã Thừa Đức, xã Bàu Cạn, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, xã Long An, xã Long Phước, xã Long Thọ cụ thể tại bản vẽ: No: 03CD-06-04-10 và Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 9. Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa chủ sở hữu hồ chứa; tổ chức khai thác hồ chứa; chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn hồ chứa

1. Danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp bao gồm tất cả các tổ chức tham gia vào Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp, thuộc mỗi cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng của đơn vị giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp. Chủ tịch hoặc trưởng đại diện của tổ chức, cơ quan và văn phòng của người giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp, phân công cán bộ hành động sẵn sàng cho các trường hợp khẩn cấp khác nhau đảm bảo liên lạc nhanh trong các trường hợp khẩn cấp.

2. Các cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp chịu trách nhiệm về chuẩn bị danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp cho tổ chức, cơ quan hoặc văn phòng nơi làm việc.

3. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thu thập thông tin liên lạc và tổng hợp vào danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp của cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp.

Bảng 2-1: Danh bạ điện thoại các tổ chức nắm giữ kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
I	Cơ quan cấp tỉnh	
I.1	Tỉnh Đồng Nai	
1	UBND tỉnh Đồng Nai	02513.822.517
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02513.822.939
3	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai	02513.823.177
4	Công an tỉnh Đồng Nai	02518.820.999
5	Sở Thông tin và Truyền thông	02513.810.339
6	Đài khí tượng thủy văn Đồng Nai	02513.894.050
I.2	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	
7	UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	0254.28064139
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0254.3828999
9	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	0254.6260017
10	Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	0254.3845377

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
11	Sở Thông tin và Truyền thông	0254.3512223
12	Trung tâm Khí tượng thủy văn Bà Rịa – Vũng Tàu	0254.3832315
II	Cơ quan cấp huyện	
II.1	Huyện Long Thành – tỉnh Đồng Nai	
13	UBND huyện	02513.844.383
14	Ban chỉ huy quân sự huyện	02513.844.133
15	Công an huyện	02513.844.246
16	Phòng Kinh tế	02513.844.210
17	Phòng lao động thương binh xã hội	02513.844.278
18	Phòng Tài chính kế hoạch	02513.844.279
19	Phòng Quản lý đô thị	02513.524.816
20	Phòng Giáo dục và đào tạo	02513.544.913
21	Phòng Tài nguyên môi trường	02513.524.232
22	Trung tâm y tế	02513.546.157
23	Phòng Văn hóa thông tin	02513.844.178
24	Trung tâm viễn thông huyện	02513.501.555
25	Đài truyền thanh huyện	02513.844.182
II.2	Huyện Cẩm Mỹ – tỉnh Đồng Nai	
26	UBND huyện	02513.878.565
27	Ban chỉ huy quân sự huyện	02513.878.632
28	Công an huyện	02513.878.581
29	Phòng Nông nghiệp và PTNT	02513.878.629
30	Phòng lao động thương binh xã hội	02513.878.565
31	Phòng Tài chính kế hoạch	02513.844.279
32	Phòng Kinh tế hạ tầng	02513.879.576
33	Phòng Giáo dục và đào tạo	02513.798.575
34	Phòng Tài nguyên môi trường	02513.878.631
35	Trung tâm y tế huyện	02513.878.519
36	Phòng Văn hóa thông tin	02513.878.628
37	Trung tâm viễn thông huyện	02513.878.000
38	Đài truyền thanh huyện	02513.798.656
II.3	Huyện Nhơn Trạch – tỉnh Đồng Nai	
39	UBND huyện	02513.521.358
40	Ban chỉ huy quân sự huyện	02513.521.079
41	Công an huyện	02513.521.047
42	Phòng kinh tế huyện	02513.521.358
43	Phòng lao động thương binh xã hội	02513.521.118
44	Phòng Tài chính kế hoạch	02513.848.915
45	Phòng Quản lý đô thị	02513.521.070
46	Phòng Giáo dục và đào tạo	02513.521.094
47	Phòng Tài nguyên môi trường	02513.521.028

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
48	Trung tâm y tế huyện	02513.521.156
49	Phòng văn hóa thông tin	02513.521.088
50	Trung tâm viễn thông huyện	02513.540.000
51	Đài truyền thanh huyện	02513.521.775
II.4	Huyện Châu Đức – tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	
52	Trực Ban BCH PCTT & TKCN huyện Châu Đức	0254.3881156
III	Cơ quan cấp xã	
53	UBND xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	02513.710.333
54	UBND xã Bàu Cạn, huyện Long Thành	02513.553.021
55	UBND xã Long An, huyện Long Thành	02513.525.615
56	UBND xã Long Phước, huyện Long Thành	02513.558.955
57	UBND xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	02513.571.631
58	UBND xã Cù Bì, huyện Châu Đức (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)	0254.3987190
IV	Đơn vị khác	
59	Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	
60	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai	02516.297.663
61	Trạm khai thác Công trình thủy lợi Long Thành	02513.844.817

Điều 10. Quy định phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng

1. Mức độ khẩn cấp được phân loại tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 và được Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai căn cứ vào giám sát hiện trường, theo dõi khí tượng thủy văn để xác định được mức độ khẩn cấp, từ đó đưa ra được các hành động ứng phó phù hợp với các mức khẩn cấp từ 1 đến 4.

2. Mức độ khẩn cấp được phân loại theo tính nghiêm trọng và cấp bách. Hệ thống phân loại khẩn cấp là một phương tiện để phân loại các sự kiện khẩn cấp theo thời gian khác nhau xảy ra và với những mức độ khác nhau về sự nghiêm trọng. Hệ thống phân loại cho thấy tính cấp bách của điều kiện khẩn cấp, gồm 4 cấp độ khẩn cấp như sau:

a) Báo động cấp 1 (Đề phòng): Là khi không có nguy hiểm về một sự cố đập, lũ xảy ra chưa ảnh hưởng khu vực hạ lưu. Trường hợp này, đơn vị quản lý vận hành hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI có thể giải quyết một cách nội bộ và công bố báo động cấp 1 cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI và tỉnh Đồng Nai.

b) Báo động cấp 2 (Sẵn sàng): Tình trạng báo động cấp 1 tiếp tục phát triển, tốc độ phát triển nhanh. Nó xảy ra chỉ khi vẫn còn thời gian để phân tích, các quyết định được đưa ra thêm nhằm khắc phục sự cố. Trường hợp này, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ.

c) Báo động cấp 3 (Hành động khẩn cấp): Tình trạng báo động 2 tiếp tục phát triển, đó là khi "Ít thời gian" để phân tích, quyết định nhằm giảm thiểu trước khi hạ lưu đập bị ảnh hưởng. Đập bị đe dọa nghiêm trọng. Điều kiện này được công bố khi vẫn còn thời gian để cố gắng ngăn chặn sự cố xảy ra bằng các biện pháp khắc phục. Trường hợp này thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng. Chuẩn bị di tản.

d) Báo động cấp 4 (Vỡ đập hoặc lũ lớn và sơ tán): Lũ thiết kế đang xảy ra, hoặc đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới hay là trong vài ngày tới. Đó là khi "hết thời gian" để phân tích. Lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4. Tổ chức di tản.

2. Khi có báo động Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thông báo cho các tổ chức cá nhân ứng với mỗi cấp độ báo động được mô tả như bảng Bảng 2-2:

Bảng 2-2: Danh sách được thông báo ứng với mỗi cấp độ báo động

STT	Các tổ chức được thông báo	Cấp báo động			
		1	2	3	4
I	Cơ quan cấp tỉnh				
1	Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đồng Nai	+	+	+	+
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	+	+	+	+
3	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai			+	+
4	Công an tỉnh Đồng Nai			+	+
5	Sở Thông tin và Truyền thông	+	+	+	+
6	Đài khí tượng thủy văn Đồng Nai	+	+	+	+
II	Cơ quan cấp huyện				
7	Ban chỉ huy PCTT&TKCN huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch	+	+	+	+
8	Ban chỉ huy quân sự huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
9	Công An huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
10	Phòng kinh tế/ Nông nghiệp và PTNT huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
11	Phòng lao động TBXH huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
12	Phòng TC-KH huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+

STT	Các tổ chức được thông báo	Cấp báo động			
		1	2	3	4
13	Phòng quản lý đô thị huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
14	Phòng giáo dục và đào tạo huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
15	Phòng TNMT huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
16	Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
17	Phòng văn hóa thông tin huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch	+	+	+	+
18	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh		+	+	+
19	Trung tâm Viễn thông huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch	+	+	+	+
20	Đài truyền thanh huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch	+	+	+	+
21	Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch		+	+	+
III	Cơ quan cấp xã				
22	UBND xã Thừa Đức huyện Cẩm Mỹ, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
23	UBND xã Bàu Cạn huyện Long Thành, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
24	UBND xã Long An huyện Long Thành, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
25	UBND xã Long Phước huyện Long Thành, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
26	UBND xã Long Thọ huyện Nhơn Trạch, Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã	+	+	+	+
27	Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	+	+	+	+

a) Đối với cấp báo động 1: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 1 (đe dọa) tại Sơ đồ 5.1 của Phụ lục 5.

b) Đối với cấp báo động 2: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 2 (sẵn sàng) tại Sơ đồ 5.2 của Phụ lục 5.

c) Đối với cấp báo động 3: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 3 (hành động khẩn cấp) tại Sơ đồ 5.3 của Phụ lục 5.

d) Đối với cấp báo động 4: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 4 (vỡ đập hoặc lũ lớn và phương án di tản) tại Sơ đồ 5.5 của Phụ lục 5.

3. Phương tiện thông báo: Điện thoại, vô tuyến điện, đài phát thanh, truyền hình, thư, email, còi, loa, kêng vv... sao cho phù hợp với tình hình hiện tại của khu vực nhiên cứu và có sự thống nhất với địa phương.

4. Thời gian thông tin, cảnh báo sớm, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng ứng với từng cấp báo động để triển khai công tác ứng phó tuân thủ theo các Điều 14, 15 và 16 của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai. Cụ thể như sau:

a) Đối với cấp báo động 1: ban hành mỗi ngày 02 bản tin cảnh báo vào lúc 9 giờ 00 và 15 giờ 30.

b) Đối với cấp báo động 2, 3, 4: ban hành tin cảnh báo ngay sau khi mức báo động cấp 2, 3, 4 được Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh quyết định; tin cảnh báo có thể được ban hành độc lập hoặc lồng ghép vào tin cảnh báo lũ, tin lũ, tin lũ khẩn cấp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC KHAI THÁC HỒ CHỨA, CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 11. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

1. Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, phương tiện, kinh phí theo trách nhiệm của đơn vị để triển khai thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI.

2. Thường xuyên tổ chức kiểm tra đánh giá hiện trạng công trình, các hạng mục công trình; vận hành, duy tu bảo dưỡng theo các quy trình hiện hành.

3. Bố trí cơ sở làm việc cho Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở vị trí thuận tiện tại công trình để điều hành chỉ huy trong tình huống khẩn cấp.

4. Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai thực hiện công tác dự báo thủy văn cho công trình.

5. Vận hành công trình và bố trí lực lượng của đơn vị cùng tham gia ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

6. Theo dõi và đánh giá diễn biến tình hình tại công trình. Trong trường hợp có sự cố đe dọa, phải kịp thời đánh giá mức độ nguy hiểm. Trường hợp sự cố xảy ra, trao đổi ngay với Trưởng Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI và báo cáo Trưởng Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để chuyển trạng thái vận hành, từ vận hành bình thường sang vận hành khẩn cấp.

7. Lập các báo cáo về tình huống khẩn cấp.

8. Phối hợp với các lực lượng địa phương nhanh chóng giúp đỡ cư dân ở ngay hạ lưu đập sơ tán trong trường hợp lũ lớn hoặc và vỡ đập sắp xảy ra.

Điều 12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI.

2. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI theo thẩm quyền.

Điều 13. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh chỉ huy, điều động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, điều hành phối hợp hoạt động của các lực lượng vũ trang và các đơn vị chuyên trách, bán chuyên trách tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh trong quá trình ứng phó, xử lý sự cố công trình.

Điều 14. Công an tỉnh

Chi viện lực lượng công an theo yêu cầu của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và cứu nạn tỉnh. Chỉ huy lực lượng công an đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực ứng phó, xảy ra sự cố công trình; phân luồng, phân tuyến giao thông, khi xảy ra ngập lụt gây ách tắc giao thông; phối hợp lực lượng quân đội thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn.

Điều 15. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Đảm bảo thông tin liên lạc giữa các thành viên của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn UBND các cấp, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai và các ngành, đơn vị tham gia ứng phó tình huống khẩn cấp;

2. Khi UBND tỉnh ban hành lệnh sơ tán, Sở thông tin và truyền thông Đồng Nai chỉ đạo Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai, các đơn vị Viễn thông, các cơ quan Báo, Đài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kịp thời thông tin đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp khu vực bị ảnh hưởng biết và thực hiện lệnh sơ tán theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 16. Sở Xây dựng

1. Tổ chức kiểm tra các điểm tránh, trú, di tản trước, trong và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp; hướng dẫn sửa chữa, gia cố kịp thời các điểm tránh, trú, di tản để đảm bảo an toàn cho người dân, tài sản tại nơi tránh, trú, di tản;

2. Phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan trong công tác ứng phó tình huống khẩn cấp.

Điều 17. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với Sở ngành, đơn vị công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI lĩnh vực Tài nguyên, môi trường. Sau khi sự cố xảy ra tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng môi trường,

xác định khu vực bị ô nhiễm để có biện pháp khắc phục, phục hồi môi trường, chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

2. Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam bộ và Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đồng Nai thực hiện các quy định về quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai kịp thời ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI.

Điều 18. Sở Công Thương

1. Đảm bảo cấp điện thực hiện ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI.

2. Điều tiết vật tư, nhiên liệu, hàng hóa, lương thực, thực phẩm để điều hòa thị trường, cung ứng, phục vụ công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI.

Điều 19. Sở Giao thông vận tải

1. Tổ chức kiểm tra các tuyến đường di tản theo phương án ứng phó, trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp kịp thời duy tu, sửa chữa để phục vụ di tản người dân, tài sản đến nơi an toàn.

2. Chỉ huy việc huy động các lực lượng, phương tiện giao thông vận tải đường thủy, đường bộ trong công tác tham gia cứu hộ, cứu nạn, di dời khi xảy ra sự cố công trình.

3. Phối hợp Công an tỉnh chỉ huy phân luồng, phân tuyến, điều tiết giao thông khi xảy ra ách tắc giao thông phục vụ công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI.

Điều 20. Sở Y tế

Chỉ đạo hệ thống bệnh viện, cơ sở y tế tổ chức lực lượng, phương tiện, thiết bị y tế, chuẩn bị đầy đủ cơ sở thuốc và dụng cụ y tế để cấp cứu và cứu trợ khẩn cấp những khu vực ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI, phòng ngừa dịch bệnh, khắc phục hậu quả sau sự cố.

Điều 21. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức điều hành ứng phó với tình huống khẩn cấp, sự cố ảnh hưởng đến trường học; tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho học sinh, sinh viên những kiến thức cơ bản về phòng, tránh, ứng phó tình huống khẩn cấp nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức cho học sinh tại khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng nghỉ học, khi có lệnh báo động.

Điều 22. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Tổ chức thực hiện công tác cứu trợ, khắc phục hậu quả cho người dân, đề xuất giải quyết các vấn đề chính sách xã hội ở các địa phương bị ảnh hưởng do sự cố công trình gây ra.

Điều 23. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

1. Chủ trì công tác vận động nhân dân đóng góp cứu trợ: Hàng hóa, tiền, lương thực, thực phẩm, nước uống..., để kịp thời hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do sự cố công trình gây ra.

2. Phối hợp huy động lực lượng tham gia ứng phó tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI.

Điều 24. Đài Khí tượng Thủy văn Đồng Nai

Thông báo thường xuyên, kịp thời về tình hình khí tượng thủy văn nguy hiểm và khi xảy ra tình huống khẩn cấp tại công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI cho các thành viên Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các địa phương liên quan.

Điều 25. Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai

Chủ trì đảm bảo an toàn mạng lưới điện, nguồn điện, trạm biến áp, khắc phục sự cố đảm bảo nguồn điện cung cấp đầy đủ, ưu tiên cho các cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, dự báo, cảnh báo, ứng phó với tình huống khẩn cấp; hướng dẫn người dân sử dụng điện an toàn khi xảy ra sự cố công trình.

Điều 26. Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai

Khi nhận được thông báo lệnh sơ tán, lệnh báo động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai, Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai phát đi thông tin cảnh báo, báo động, sơ tán cho người dân ở hạ lưu đập biết để chuẩn bị sẵn sàng sơ tán.

Điều 27. Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Chỉ đạo Ban quản lý dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành phối hợp với Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Long Thành tổ chức ứng phó trong tình huống khẩn cấp và sơ tán nhân viên, bảo vệ tài sản và cơ sở hạ tầng trong phạm vi Cảng hàng không Quốc tế Long Thành.

Điều 28. Ban quản lý dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành

Tổ chức và sơ tán nhân viên, bảo vệ tài sản và cơ sở hạ tầng trong phạm vi do đơn vị quản lý.

Điều 29. Ủy ban nhân dân các huyện: Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch

1. Tổ chức lực lượng cứu hộ, cứu nạn và các phương tiện vận tải để hỗ trợ người dân trong quá trình sơ tán khi xảy ra mức báo động 3 hoặc 4.

2. Thông báo, bố trí nhân lực và hướng dẫn người dân ở khu vực hạ lưu sơ tán đến nơi an toàn khi Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh công bố đến nơi an toàn, mức báo động 3 và 4.

3. Chủ động chuẩn bị công tác hậu cần để sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp, phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho đập.

4. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các công việc dọn dẹp và khắc phục hậu quả sau thiên tai.

Điều 30. UBND xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, UBND các xã: Bàu Cạn, Long An, Long Phước, huyện Long Thành, UBND xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch

1. Tổ chức và sơ tán người dân trong địa bàn xã đến nơi an toàn.
2. Thống kê tình hình thiệt hại, tổng hợp và báo cáo nhanh về Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện.
3. Huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ giúp đỡ người dân nhanh chóng khắc phục thiệt hại về tài sản, sản xuất nông nghiệp; phối hợp khắc phục, sửa chữa các công trình hạ tầng, nhà cửa, đường xá..., đặc biệt là công trình thủy lợi bị hư hỏng để đưa vào vận hành phục vụ sản xuất.

Điều 31. UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chỉ đạo công tác ứng phó khẩn cấp và xử lý sự cố bất thường có ảnh hưởng đến vùng hạ du hồ Cầu Mới tuyến VI theo Quyết định số 4351/QĐ-BNN-TCTL ngày 05/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Công bố danh mục, phân loại và phân giao nhiệm vụ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên và Quyết định số 3104/QĐ-BNN-TCTL ngày 12/08/2020 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành Quy trình vận hành hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI tỉnh Đồng Nai.



Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số: 1707/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA HÌNH, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (LƯỢNG MƯA, MÙA MƯA, LƯU LƯỢNG LŨ LỚN NHẤT...), THẨM THỰC VẬT LƯU VỰC HỒ CHỨA THEO THIẾT KẾ; CÁC HÌNH THÁI THIÊN TAI CÓ THỂ XẢY RA TRONG LƯU VỰC HỒ CHỨA

1. Địa hình lưu vực hồ chứa.

Lưu vực hồ Cầu Mới tuyến VI bắt nguồn từ các nhánh suối nhỏ ở các ngọn đồi có cao trình mặt đất tự nhiên khoảng +300 đến 400m.

Lưu vực hồ Cầu Mới tuyến VI có hình dạng thon dài. Lưu vực có phần thượng lưu hẹp, mở rộng dần ở phía hạ lưu, và độ dốc sườn lưu vực không lớn.

Lưu vực có tính chất địa hình vùng đồi, độ dốc lưu vực không lớn, đoạn thượng nguồn có độ dốc lớn hơn so với phần hạ lưu của lưu vực - phần hạ lưu có độ dốc soải đều. Tầng phủ lưu vực chủ yếu là cây bụi, phân bố dòng chảy giữa mùa mưa và mùa khô chênh lệch rất lớn. Mùa kiệt, theo điều tra thực địa thì dòng chảy có nhưng cũng khá nhỏ; còn mùa lũ quá trình tập trung dòng chảy lũ khá nhanh.

2. Khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất...)

a) Đặc điểm khí hậu

Đồng Nai nói chung và khu vực công trình hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI nói riêng thuộc vùng Đông Nam Bộ mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa: nóng ẩm và mưa nhiều, hàng năm khí hậu phân hóa thành 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô.

Mùa mưa từ tháng V đến tháng X: Lượng mưa mùa này chiếm tỷ lệ 85 ÷ 90% lượng mưa cả năm. Đây cũng là thời kỳ có những đợt mưa lớn do hoạt động của các dải hội tụ nhiệt đới, các vùng khí áp thấp và ảnh hưởng của bão Biển Đông.

Mùa khô từ tháng XI đến tháng IV năm sau: Lượng mưa trong mùa này chỉ chiếm 10 ÷ 15% lượng mưa cả năm. Thời tiết trong mùa này chủ yếu là nắng nóng, nhất là các tháng cuối mùa (tháng III, IV).

b) Mưa năm trên lưu vực

Lưu vực hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI với $F_{lv} = 62 \text{ km}^2$, kết quả tính toán lượng mưa lưu vực hồ Cầu Mới tuyến VI như sau:

Bảng 1.1: Lượng mưa trung bình tháng tại lưu vực hồ Cầu Mới tuyến VI

(Đơn vị: mm)

TT	Năm	Tháng												Cả năm
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
1	1978	0,0	0,0	0,0	48,1	112,0	143,1	314,2	407,6	351,2	304,7	113,8	7,4	1802,1
2	1979	0,0	0,0	0,7	79,2	98,8	361,3	234,2	161,9	220,7	152,1	131,6	29,2	1469,7
3	1980	2,0	0,0	0,0	8,5	300,5	398,8	240,4	357,3	228,3	332,7	18,7	0,0	1887,2
4	1983	0,0	0,0	0,0	5,5	166,6	228,8	482,1	437,5	235,0	1063,1	339,6	33,3	2991,5

TT	Năm	Tháng												Cả năm
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
5	1984	64,6	0,0	24,7	61,7	204,3	358,9	661,8	466,4	297,3	518,4	187,6	8,7	2854,4
6	1985	23,4	53,2	20,5	149,2	102,8	167,4	268,7	324,4	373,9	421,2	148,0	71,5	2124,2
7	1986	11,2	47,9	0,0	33,7	235,1	200,8	327,0	487,5	713,9	242,1	67,0	13,0	2379,2
8	1987	0,2	0,2	0,0	15,7	73,5	246,5	335,1	294,7	268,5	208,9	91,5	15,0	1549,8
9	1988	1,2	28,8	8,1	61,1	197,0	255,3	173,6	189,9	212,9	255,4	198,0	0,2	1581,5
10	1989	0,0	0,0	142,5	80,6	251,9	419,6	348,6	498,1	304,4	309,6	23,5	0,0	2378,8
11	1990	3,5	0,0	1,9	29,0	163,4	378,9	258,5	375,7	312,2	462,8	143,5	12,3	2141,7
12	1991	0,0	0,0	41,4	85,4	55,1	280,9	442,5	290,6	244,2	213,6	8,4	0,1	1662,2
13	1992	2,8	0,0	0,0	103,4	103,7	240,7	338,9	594,3	281,3	279,6	48,4	0,0	1993,1
14	1993	1,2	0,0	39,6	25,5	284,9	197,4	343,7	220,1	373,1	219,6	91,6	67,6	1864,3
15	1994	0,0	0,2	35,1	152,4	121,6	418,1	218,2	298,6	522,3	307,1	27,3	11,5	2112,4
16	1995	14,5	0,0	4,0	0,0	261,6	218,5	262,0	312,7	401,1	192,6	113,8	89,6	1870,4
17	1996	14,4	0,0	0,0	48,5	218,5	308,7	356,9	264,0	412,4	208,7	262,5	38,9	2133,5
18	1997	0,0	21,0	0,0	154,3	253,4	213,3	386,2	277,6	284,1	225,7	121,7	44,2	1981,5
19	1998	0,0	0,0	0,0	91,5	343,7	67,6	265,9	310,9	514,1	341,5	243,6	138,5	2317,3
20	1999	47,0	10,1	2,3	310,2	339,0	333,1	395,8	224,1	267,9	160,1	308,0	18,7	2416,3
21	2000	22,7	33,4	60,0	99,2	161,3	322,2	421,5	337,7	244,6	555,6	171,2	123,9	2553,3
22	2001	0,5	0,3	49,4	42,6	189,2	357,6	386,6	449,2	334,1	156,4	112,3	15,6	2093,8
23	2002	0,0	1,6	0,2	12,8	95,5	408,9	248,3	401,5	289,4	327,9	69,5	127,3	1982,9
24	2003	0,0	0,0	2,5	33,1	412,4	109,8	278,1	223,0	681,4	350,4	57,6	6,1	2154,4
25	2004	0,1	0,0	0,0	21,7	306,9	473,2	285,5	305,5	253,5	283,2	79,2	24,9	2033,7
26	2005	0,0	0,0	0,8	21,7	266,3	304,4	426,9	238,1	209,6	288,4	182,2	127,3	2065,7
27	2006	4,0	60,0	7,3	64,1	144,8	213,7	287,3	532,6	176,7	199,8	75,8	106,6	1872,7
28	2007	2,9	0,0	76,8	17,0	278,8	246,5	366,1	344,4	445,9	258,7	205,3	1,7	2244,1
29	2008	8,1	8,4	12,5	86,9	382,4	162,1	336,9	266,7	433,8	211,0	160,0	25,4	2094,2
30	2009	0,6	91,2	102,6	173,7	240,8	238,9	265,3	367,1	489,2	269,1	43,3	19,8	2301,6
31	2010	27,2	0,0	72,0	29,8	60,1	237,5	307,0	262,0	474,2	612,0	420,4	5,6	2507,8
32	2011	0,0	0,0	0,0	0,0	406,6	316,6	377,2	333,3	351,0	131,2	175,2	53,4	2144,5
33	2012	0,0	0,0	0,0	0,0	140,3	209,7	453,9	177,1	501,2	94,1	70,8	4,2	1651,3
34	2013	0,0	0,0	0,0	0,0	83,9	279,2	149,7	250,3	187,9	198,3	65,6	1,7	1216,6
35	2014	0,0	0,0	0,0	20,0	165,2	324,2	271,6	88,2	206,5	143,0	46,9	40,2	1305,8
36	2015	0,0	0,0	0,0	0,0	186,7	215,2	174,6	286,8	342,4	200,2	35,0	0,3	1441,2
37	2016	0,0	0,0	0,0	4,0	304,0	332,4	377,0	324,4	277,0	372,1	114,2	90,7	2195,8
38	2017	37,6	47,9	1,7	91,8	307,9	300,6	377,4	360,1	230,8	347,9	135,5	59,4	2298,6
39	2018	60,0	0,0	0,0	33,1	181,7	268,8	361,8	285,0	553,4	319,8	57,5	0,0	2121,1
40	2019	2,3	0,0	0,0	22,8	277,3	241,0	228,0	265,9	323,1	174,7	89,8	0,0	1624,9
41	2020	0,0	1,4	0,0	113,4	79,1	406,9	208,1	297,2	246,2	257,7	55,6	48,2	1713,8

TT	Năm	Tháng												Cả năm
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
TB		8,6	9,9	17,2	59,3	208,7	278,2	323,0	321,7	343,2	296,9	124,7	36,1	2027,5

Tuy lượng mưa hàng năm khá dồi dào, song phân bố trong năm rất không đều, lượng mưa tập trung chủ yếu vào các tháng mùa mưa, từ tháng V đến tháng X, chiếm tỷ lệ 87,4% tổng lượng mưa năm. Tháng mưa nhiều nhất là tháng IX: đạt 343,2 mm/tháng. Mùa khô, từ tháng XI đến tháng IV năm sau, mưa ít nhất vào tháng I, II, lượng mưa trung bình hàng tháng dưới 10mm.

c) Mưa gây lũ trên lưu vực

Trong mùa mưa thường xảy ra trận mưa kéo dài từ một đến vài ngày với cường độ mưa lớn, gây ra những trận lũ. Với vùng có địa hình dốc, những trận mưa này tạo ra lượng mưa lớn, tập trung nhanh. Kết quả tính toán lượng mưa 1, 3, 5, 7 ngày lớn nhất theo các tần suất như sau:

Bảng 1.2: Các thông số thống kê và lượng mưa 1, 3, 5, 7 ngày lớn nhất thiết kế các trạm

Đặc trưng mưa ngày	Các thông số thống kê			Lượng mưa thiết kế (mm)								
	Xtb (mm)	Cv	Cs	P=0,2%	P=0,5%	P=1%	P=1,5%	P=2%	P=3%	P=5%	P=10%	P=20%
1max	101,7	0,32	1,08	238,6	217,8	201,7	192,2	185,3	175,5	162,9	145,0	125,8
3max	155,2	0,32	1,28	376,1	341,0	314,1	298,2	286,9	270,7	250,1	221,2	190,8
5max	193,4	0,31	1,69	488,1	437,3	399,0	376,7	360,9	338,6	310,4	272,0	232,9
7max	233,1	0,34	1,94	644,4	570,4	515,1	483,1	460,5	428,8	389,2	335,8	282,4

d) Dòng chảy lũ đến lưu vực hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI

Lưu vực nghiên cứu có diện tích nhỏ ($FVI = 62,0 \text{ km}^2$). Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9845:2013 sử dụng công thức Cường độ giới hạn để tính lưu lượng lớn nhất cho lưu vực có diện tích nhỏ hơn 100 km^2 . Kết quả tính toán dòng chảy lũ như sau:

Bảng 1.3: Các đặc trưng lưu vực hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI

Đặc trưng lưu vực	Giá trị	Đơn vị
Diện tích	62,0	km^2
Chiều dài sông chính	16,5	km
Tổng chiều dài sông nhánh	19,8	km
Độ dốc lòng sông	12,0	‰
Độ dốc trung bình lưu vực	30,0	‰

Bảng 1.4: Đặc trưng dòng chảy lũ lớn nhất lưu vực hồ Cầu Mới tuyến VI theo công thức Cường độ giới hạn

Đặc trưng	Tần suất thiết kế						
	P=10%	P=5,0%	P=2,0%	P=1,5%	P=1,0%	P=0,5%	P=0,2%
F(km ²)	62,0	62,0	62,0	62,0	62,0	62,0	62,0
Hệ số dòng chảy φ	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70
Ap	0,037	0,038	0,040	0,040	0,041	0,042	0,045
Hp(mm)	144,6	162,7	185,5	192,5	202,2	218,6	239,9
Q _{maxP} (m ³ /s)	247,7	288,2	343,5	360,7	385,0	426,3	564,0
W _{maxP} (10 ⁶ m ³)	6,723	7,565	8,625	8,949	9,402	10,164	12,644
Tlũ (giờ)	22,4	22,0	20,3	19,6	19,1	17,8	14,8
Tl (giờ)	3,7	3,7	3,4	3,3	3,2	3,0	2,5
Tx (giờ)	18,6	18,3	16,9	16,3	15,9	14,9	12,3

Bảng 1.5: Quá trình lũ đến hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI ứng với các tần suất thiết kế theo kết quả Cường độ giới hạn (đơn vị: m³/s)

STT	Lưu lượng lũ giờ ứng với các tần suất khác nhau, Qp(m ³ /s)						
	P=10%	P=5,0%	P=2,0%	P=1,5%	P=1,0%	P=0,5%	P=0,2%
1,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
2,0	0,7	0,9	1,0	1,1	1,2	1,3	1,7
3,0	12,6	14,7	17,5	18,4	19,6	21,7	28,8
4,0	47,8	55,6	66,3	69,6	74,3	82,3	108,9
5,0	99,3	115,6	137,7	144,6	154,4	170,9	226,2
6,0	152,1	176,9	210,9	221,5	236,4	261,7	346,3
7,0	195,9	228,0	271,7	285,3	304,5	337,2	446,2
8,0	226,2	263,1	313,6	329,3	351,5	389,2	515,0
9,0	242,7	282,4	336,6	353,5	377,3	417,8	552,8
10,0	247,7	288,2	343,5	360,7	385,0	426,3	564,0
11,0	243,7	283,6	338,0	354,9	378,8	419,5	555,0
12,0	233,1	271,2	323,2	339,4	362,2	401,1	530,8
13,0	218,2	253,9	302,6	317,8	339,1	375,6	496,9
14,0	201,1	234,0	278,9	292,9	312,6	346,2	458,0
15,0	182,6	212,4	253,1	265,8	283,7	314,2	415,7
16,0	164,2	191,1	227,7	239,2	255,2	282,6	374,0
17,0	146,4	170,3	203,0	213,2	227,5	251,9	333,3
18,0	129,3	150,4	179,3	188,3	200,9	222,5	294,4
19,0	113,7	132,3	157,7	165,6	176,7	195,7	258,9

STT	Lưu lượng lũ giờ ứng với các tần suất khác nhau, $Q_p(m^3/s)$						
	P=10%	P=5,0%	P=2,0%	P=1,5%	P=1,0%	P=0,5%	P=0,2%
20,0	99,3	115,6	137,7	144,6	154,4	170,9	226,2
21,0	74,8	87,0	103,7	108,9	116,3	128,7	170,3
22,0	55,7	64,8	77,3	81,2	86,6	95,9	126,9
23,0	40,9	47,6	56,7	59,5	63,5	70,3	93,1
24,0	30,0	34,9	41,6	43,6	46,6	51,6	68,2
25,0	21,8	25,4	30,2	31,7	33,9	37,5	49,6
26,0	9,4	11,0	13,1	13,7	14,6	16,2	21,4
27,0	4,0	4,6	5,5	5,8	6,2	6,8	9,0
28,0	0,7	0,9	1,0	1,1	1,2	1,3	1,7
29,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0

3. Các hình thái thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa bao gồm: Áp thấp nhiệt đới, bão; Lốc, sét, mưa đá và sương mù; Mưa lớn, lũ và ngập lụt; Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy; Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn; Nước dâng, triều cường; Động đất.

Chương II

ĐẶC ĐIỂM VÙNG HẠ DU HỒ CHỨA

1. Địa hình vùng hạ du hồ chứa.

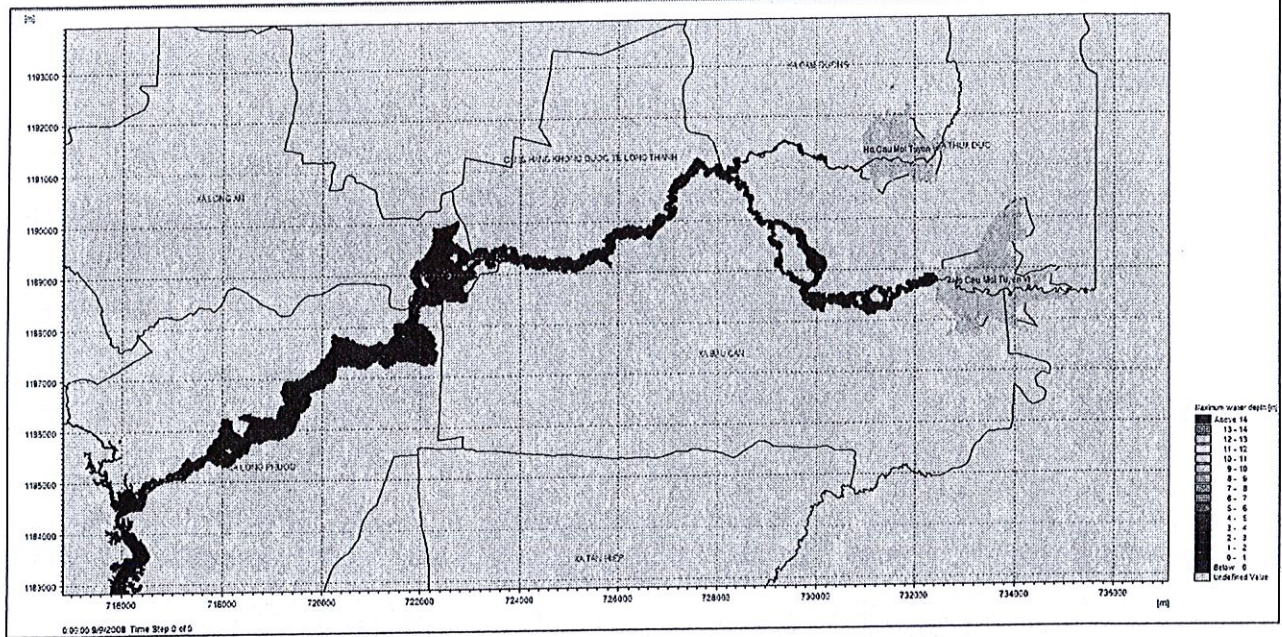
Phạm vi vùng hạ du đập chính hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI đến hết suối Cả đổ ra sông Thị Vải thuộc huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai.

Vùng chịu ảnh hưởng bao gồm từ chân đập chính hồ Cầu Mới Tuyến VI đến hết suối Cả đổ ra sông Thị Vải. Phạm vi nghiên cứu khoảng 32,82 km trong đó có các xã có khả năng bị ảnh hưởng, đó là Thừa Đức huyện Cẩm Mỹ, xã Suối Trầu (cũ) nay là Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Bàu Cạn, Long An, Long Phước huyện Long Thành và Long Thọ huyện Nhơn Trạch.

2. Dân cư vùng hạ du hồ chứa.

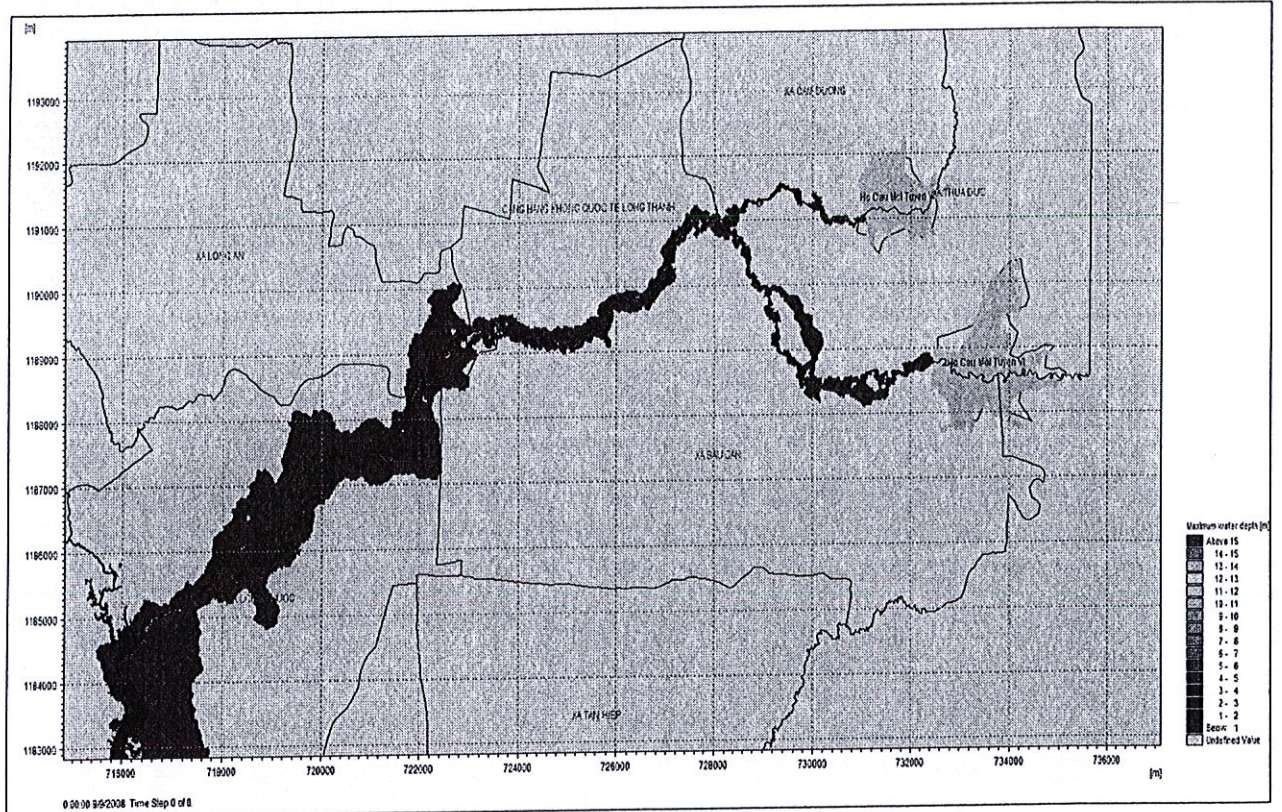
Trong phạm vi vùng chịu ảnh hưởng của hồ chứa nước Cầu Mới tuyến VI có khoảng 3262 hộ dân. Số hộ dân thuộc vùng ảnh hưởng phân bố ở các xã Thừa Đức (huyện Cẩm Mỹ), các xã Bàu Cạn, Long An, Long Phước (huyện Long Thành), xã Long Thọ (huyện Nhơn Trạch) và Cảng hàng không quốc tế Long Thành (trước đây thuộc xã Suối Trầu, huyện Long Thành) trong đó xã Long Phước (huyện Long Thành) tập trung nhiều nhất với khoảng 2455 hộ (chiếm khoảng 75%).

3. Bản đồ ngập lụt kịch bản xả lũ kiểm tra tần suất 0,2%



Chi tiết xem bản vẽ No: 03CD-06-04-03.

4. Bản đồ ngập lụt kịch bản vỡ đập ngày nắng.



Chi tiết xem bản vẽ No: 03CD-06-04-05.

7. Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản xả lũ thiết kế tần suất 1,0%: Được thể hiện trong bản vẽ No: 03CD-06-04-02.

8. Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản xả lũ kiểm tra tần suất 0,2%: Được thể hiện trong bản vẽ No: 03CD-06-04-04.

9. Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản vỡ đập ngày nắng: Được thể hiện trong bản vẽ No: 03CD-06-04-06.

10. Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản vỡ đập khi có lũ thiết kế tần suất 1,0%: Được thể hiện trong bản vẽ No: 03CD-06-04-08.

11. Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,2%: Được thể hiện trong bản vẽ No: 03CD-06-04-10.



Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số: 1707/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

DIỆN TÍCH NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP VỚI CÁC KỊCH BẢN ỨNG PHÓ KHẨN CẤP HỒ CẦU MỚI TUYẾN VI

Bảng PL2.1: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,00%

Xã	Diện tích ngập (ha)						Tổng
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	
Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	10,7	6,5	4,4	1,5	0,6	0,5	24,3
Cảng hàng không quốc tế Long Thành, huyện Long Thành	10,5	9,6	8,7	8,1	6,7	8,7	52,2
Bàu Cạn, huyện Long Thành	25,7	21,0	12,1	9,0	5,8	5,7	79,3
Long An, huyện Long Thành	10,0	5,0	3,9	3,3	2,8	2,1	27,0
Long Phước, huyện Long Thành	67,6	37,5	42,1	19,7	13,0	17,5	197,6
Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	1,2	0,5	0,0	0,0	0,0	0,0	1,7

Bảng PL2.2: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,2%

Xã	Diện tích ngập (ha)						Tổng
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	
Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	14,3	7,3	5,8	3,0	1,2	0,8	32,4
Cảng hàng không quốc tế Long Thành, huyện Long Thành	10,7	9,7	9,1	8,3	7,3	11,2	56,1
Bàu Cạn, huyện Long Thành	27,1	21,9	16,0	10,4	7,8	8,0	91,2
Long An, huyện Long Thành	11,8	5,5	4,2	3,7	3,2	3,1	31,5
Long Phước, huyện Long Thành	77,7	46,3	43,9	22,4	14,8	20,5	225,6
Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	1,2	0,5	0,0	0,0	0,0	0,0	1,7

Bảng PL2.3: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng

Xã	Diện tích ngập (ha)						Tổng
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	
Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	26,3	27,8	25,9	17,5	11,6	27,1	136,3
Cảng hàng không quốc tế Long Thành, huyện Long Thành	8,8	8,0	10,2	9,7	10,9	60,1	107,6
Bàu Cạn, huyện Long Thành	28,1	25,0	31,8	30,3	22,2	85,4	222,8
Long An, huyện Long Thành	12,5	12,5	11,9	23,5	6,3	18,0	84,7
Long Phước, huyện Long	376,6	174,7	122,8	71,4	50,9	129,8	926,2

Xã	Diện tích ngập (ha)						
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	Tổng
Thành							
Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	48,50	5,10	1,50	0,80	0,10	0,00	56,00

Bảng PL2.4: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ thiết kế tần suất 1,00%

Xã	Diện tích ngập (ha)						
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	Tổng
Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	27,2	28,3	27,5	20,8	13,4	33,5	150,6
Cảng hàng không quốc tế Long Thành, huyện Long Thành	9,4	8,7	10,6	10,1	11,6	69,4	119,8
Bàu Cạn, huyện Long Thành	28,3	25,3	32,0	32,1	23,1	104,0	244,8
Long An, huyện Long Thành	13,7	14,7	12,2	25,9	24,0	22,6	113,1
Long Phước, huyện Long Thành	573,1	261,5	130,5	92,1	59,6	164,6	1281,4
Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	216,7	12,0	2,5	1,1	0,5	0,0	232,9

Bảng PL2.5: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,20%

Xã	Diện tích ngập (ha)						
	0,5-1	1-1,5	1,5-2	2-2,5	2,5-3	>3	Tổng
Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	27,2	28,3	27,6	21,2	13,9	34,1	152,3
Cảng hàng không quốc tế Long Thành, huyện Long Thành	9,4	8,8	10,8	10,2	11,6	70,0	120,7
Bàu Cạn, huyện Long Thành	28,4	26,0	32,1	32,4	23,3	105,5	247,6
Long An, huyện Long Thành	13,9	15,7	12,6	26,1	24,7	23,7	116,7
Long Phước, huyện Long Thành	575,6	263,8	131,4	92,6	59,9	164,8	1288,2
Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	259,6	12,9	2,7	1,2	0,5	0,0	276,8



Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số: 1707/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

VỊ TRÍ AN TOÀN VÀ HƯỚNG SƠ TÁN; PHƯƠNG TIỆN DI DỜI NGƯỜI VÀ TÀI SẢN KHI CÓ LŨ LỚN

TT	Địa phận	Số hộ dân ngập (Hộ dân) /Kịch bản					Vùng di dời tránh lũ	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời
		KB1: Lũ thiết kế	KB2: Lũ kiểm tra	KB3: Vỡ đập do xói ngập	KB4: Vỡ đập + Lũ thiết kế	KB5: Vỡ đập + Lũ thiết kế			
1	Xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	80	106	115	124	128	Vùng 2	Trường Tiểu học Thừa Đức; Áp 8, Thừa Đức, Cẩm Mỹ, Đồng Nai	
2	Xã Bàu Cạn, huyện Long Thành	116	171	264	292	293	Vùng 1	Công ty Cổ phần cấp nước Hồ Cầu Mới; Áp 8, Bàu Cạn, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
3	Cảng hàng không quốc tế Long Thành	86	86	158	169	190	Vùng 3	Trường THCS Tân Thành; Đường Số 5, Bàu Cạn, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
4	Xã Long An, huyện Long Thành	37	38	65	88	91	Vùng 4	Nội vùng của Cảng hàng không quốc tế Long Thành (Trường THCS Suối Trầu cũ).	Đường nội thị
5	Xã Long Phước, huyện Long	263	296	1898	2420	2455	Vùng 6	Trường Tiểu Học Long Phước; QL51, Long Phước, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
							Vùng 5	UBND xã Long Phước; 1403 QL51, Long Phước, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị

TT	Địa phận	Số hộ dân ngập (Hộ dân) / Kịch bản					Vùng di dời tránh lũ	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời
		KB1: Lũ thiệt kế	KB2: Lũ kiểm tra	KB3: Vỡ đập do xói ngập	KB4: Vỡ đập + Lũ thiệt kế	KB5: Vỡ đập + Lũ thiệt kế			
	Thành						Vùng 6	Trường Tiểu Học Long Phước; QL51, Long Phước, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
6	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	3	3	12	30	105	Vùng 5	UBND xã Long Phước; 1403 QL51, Long Phước, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
							Vùng 6	Trường Tiểu Học Long Phước; QL51, Long Phước, Long Thành, Đồng Nai	Đường nội thị
	Tổng	585	700	2512	3123	3262			





Phụ lục IV

(Kèm theo Quyết định số: 1707/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG NHÂN LỰC, PHƯƠNG TIỆN, MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Bảng PL4.1: Dự phòng lương thực, thực phẩm, thuốc men phục vụ công tác Phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn

STT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị chủ trì
1	Thuốc phục vụ phòng chống lụt bão (cơ số)	Cơ số	30	Sở Y tế
2	Thuốc gia đình	Cơ số	300	
3	Thuốc chống dịch	Cơ số	300	
4	Thuốc clomin B	Kg	100	
5	Vật tư y tế cho tuyến tỉnh	Cơ số	4	
6	Vật tư y tế cho tuyến huyện	Cơ số	2	
7	Vật tư y tế cho tuyến xã	Cơ số	5	
8	Hóa chất vệ sinh môi trường	Lít	200	Sở Công Thương
9	Mỹ ăn liền	Thùng	5.000	
10	Lương khô	Thùng	90	
11	Gạo	Tấn	150	
12	Nước uống đóng chai	Thùng	1.000	
13	Các mặt hàng lương thực thực phẩm khác	Tấn	50	
14	Xăng	Lít	5.000	
15	Dầu	Lít	5.000	

Bảng PL4.2: Dự phòng phương tiện phục vụ di tản

STT	Kịch bản	Xe máy (Chiếc)	Ôtô 15 chỗ (Chiếc)
1	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,0%	290	30
2	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,2%	350	35
3	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng	1.250	120
4	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ thiết kế tần suất 1,0%	1.500	150
5	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,2%	1.600	160

Bảng PL4.3: Dự phòng vật tư, vật liệu, dụng cụ lao động, thiết bị xe máy

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	Vật tư, vật liệu		
01	Tấm bạt nhựa	Tấm	100

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
02	Bao tải	cái	5.000
03	Đất dự trữ	m ³	12.000→50.000
04	Đá hộc	m ³	3.000→5.000
05	Rọ thép	Rọ	500
06	Thép 03 ly	kg	500
07	Đèn pin sạc	Cái	05
II	Dụng cụ lao động		
01	Cuốc bàn	Cái	40
02	Xẻng	Cái	30
03	Xe rùa	Chiếc	10
04	Loa phát thanh	Cái	02
05	Áo phao cứu sinh	Cái	50
06	Rựa	Cái	05
III	Thiết bị xe máy		
01	Máy đào 1,2m ³	Chiếc	02
02	Ô tô tự đổ 15 tấn	Chiếc	05
03	Ca nô	Chiếc	01
04	Xuồng máy	Chiếc	01

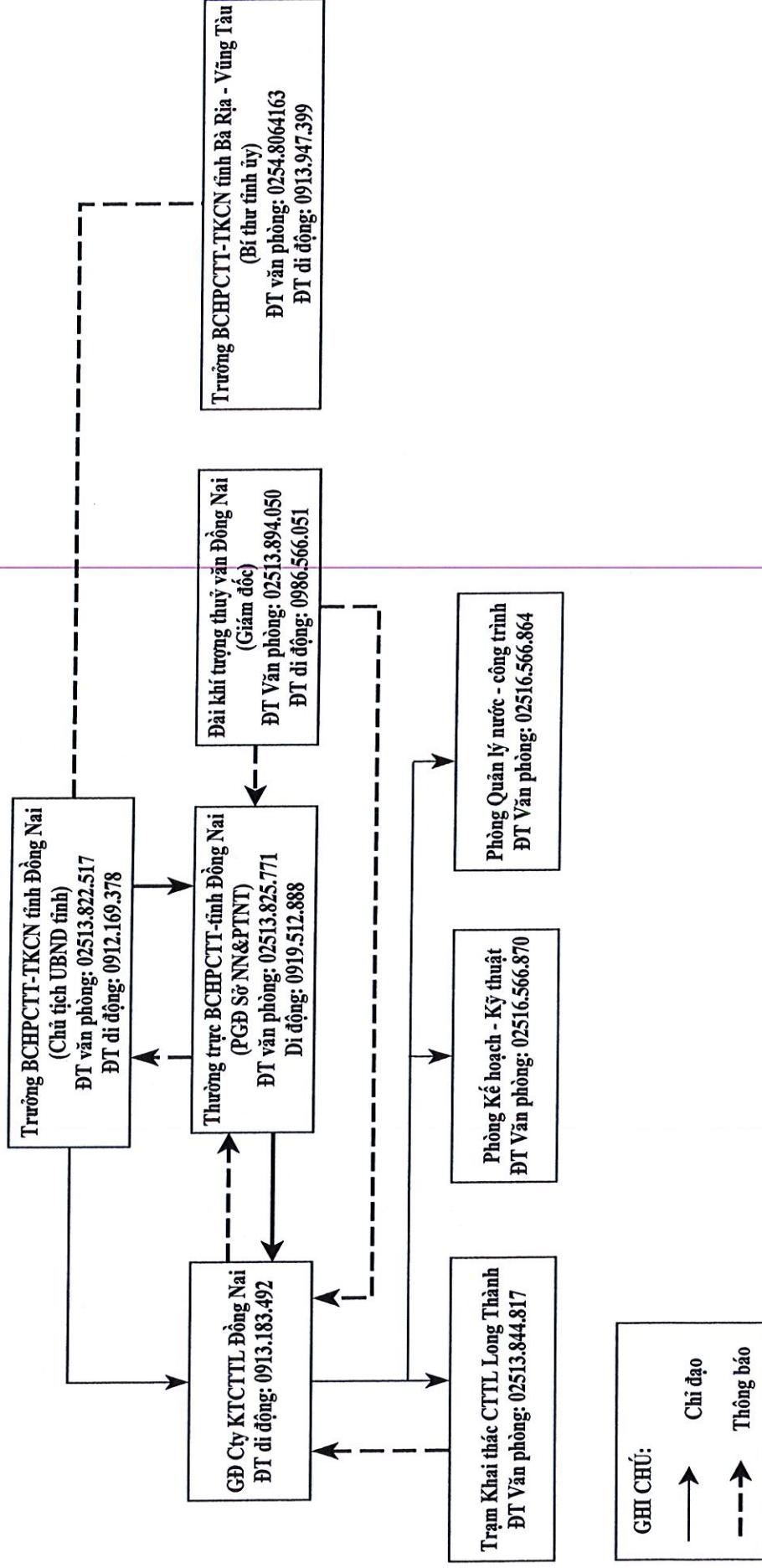


Phụ lục V

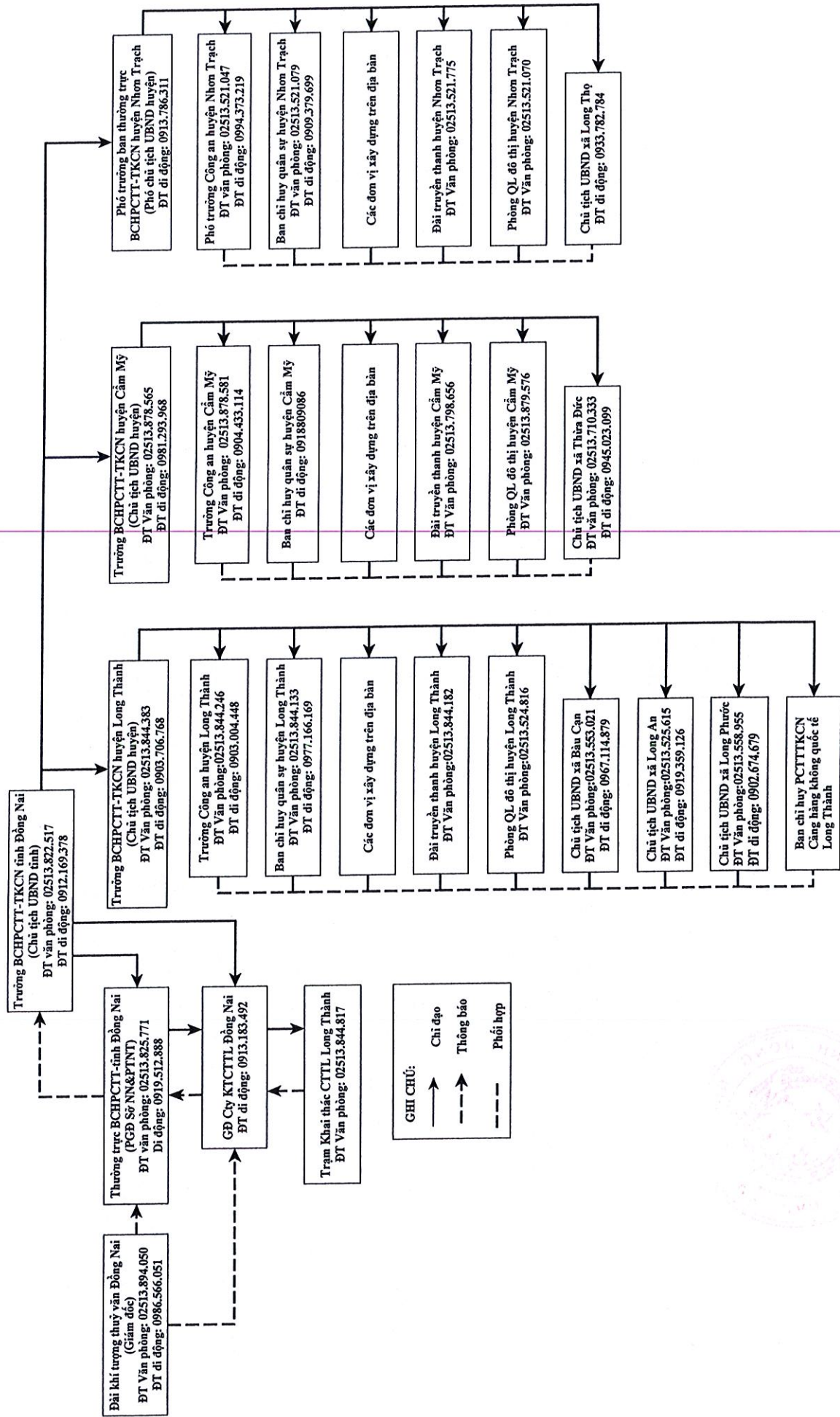
(Kèm theo Quyết định số: 1707/QĐ-UBND ngày 7 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

SƠ ĐỒ BÁO CÁO ĐỐI VỚI CÁC MỨC BÁO ĐỘNG

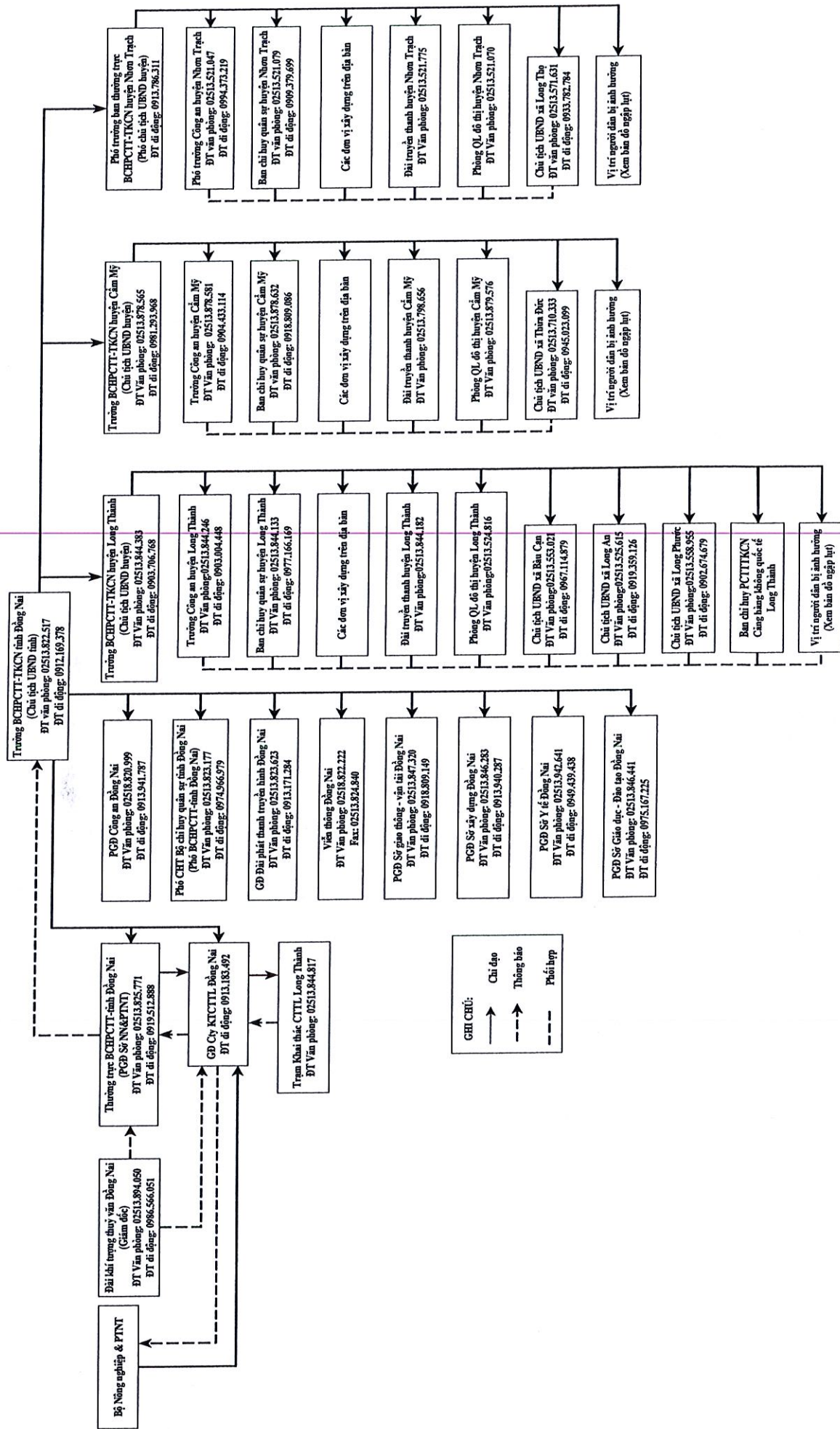
Sơ đồ 5.1: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 1 (Đề phòng)



Sơ đồ 5.2: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 2 (Sẵn sàng)



Sơ đồ 5.3: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 3 (hành động khẩn cấp)



Sơ đồ 5.4: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 4 (vỡ đập hoặc lũ lớn và phương án di tản)

